

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai giao bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn vào Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61 /2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số: 267/QĐ-PGDĐT ngày 03/10/2024 của Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên về việc giao bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ từ tháng 9-12 năm 2024;

Xét đề nghị của của bộ phận kế toán trường;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024 của Trường PTDTBT tiểu học số 2 xã Na Tông (Theo biểu đính kèm ).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các bộ phận, ban ngành đoàn thể, tổ chuyên môn và bộ phận hành chính trong nhà trường có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH,KB
- Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên;
- Website trường TH số 2 xã Na Tông
- Như điều 3;
- Lưu KT, VT.



Phạm Thị Hương Giang

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2021 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường PTDTBT tiểu học số 2 xã Na Tông

Chương: 622

### DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ- TH2NT ngày 10/10/2024 của Hiệu trưởng trường PTDTBT tiểu học số 2 xã Na Tông)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>75.696.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>75.696.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>75.696.000</b>
<b>3.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>0</b>
	- Chi thanh toán cá nhân	
	- Chi hoạt động	
<b>3.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>75.696.000</b>
	- Hỗ trợ CPHT theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	
	- Hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	<b>75.696.000</b>
	- Hỗ trợ học sinh khuyết tật theo TT 42/2013	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
....	.....	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
...	.....	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	